TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2017/HSST
Ngày 28/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ

Ông Nguyễn Xuân Thùy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Sơn - Kiểm Sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2017/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1998 tại tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm Văn M và con bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giam từ ngày 06/8/2017. Hiện đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn L, sinh năm 1995 tại tỉnh Bình Phước.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Thợ xăm hình; trình độ học vấn: 8/12; con ông Lê Văn B, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; tiền án tiền sự: Không. Bị bắt giam từ ngày 06/8/2017 đến ngày 24/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Đỗ Thành V, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Thanh B, sinh năm 1999; trú tại: Bon S, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H (T); trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Chị Phạm Thị R; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. Anh Ngọc Văn H; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Phạm Văn T và Lê Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Phạm Văn T và ông Đỗ Thành V là người cùng thôn T, xã Đ, huyện R nên T biết ông V bị mất trộm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48B1-110.23 vào ngày 04/7/2017. Biết ông V rất muốn tìm lại chiếc xe bị mất nên T đã nảy sinh ý định lừa dối ông V để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 20 giờ ngày 10/7/2017, khi ngồi nhậu với Lê Văn L và Nguyễn Đức A, chị Lê Thị Thanh B (bạn gái của T) tại quán lẩu thuộc thôn T, xã Đ thì T mượn xe mô tô của L chạy đến nhà ông V để hỏi ông V có muốn chuộc xe không thì ông V trả lời là muốn chuộc xe và nhờ T hỏi giúp ông V. T quay lại quán nhậu, gọi L và A ra ngoài để nói ý định lừa ông V. Đồng thời, thống nhất với L và A là T và L sẽ đến nhà ông V để nói chuyện về việc chuộc xe mô tô cho ông V. Còn A ngồi lại quán nhậu khi nào T đến nói chuyện với ông V thì sẽ gọi điện thoại cho A và lúc đó A sẽ đóng giả là người anh của T đang ở Bình Dương đã tìm được chiếc xe của ông V và yêu cầu đưa số tiền 8.000.000đ sẽ cho chuộc xe. L và A đều thống nhất với ý kiến của T đưa ra. Sau đó, T và L đến nhà ông V thì ông V mời cả hai cùng ngồi nhậu với gia đình. Trong lúc ngồi nhậu, T nói với ông V là "cháu có ông anh ở Bình Dương mới mua một chiếc xe giống xe của chú, không biết có phải không". Nghe vậy, ông V đi vào nhà cầm giấy đăng ký xe mô tô của mình ra và nói với T "cháu nhờ ông đó đọc số khung, số máy có trùng khớp với xe chú không". T chưa kịp trả lời thì ông V đi vào nhà lấy thêm đồ nhậu. Lợi dụng lúc đó, T mượn điện thoại VIVO màu trắng của L lén nhắn tin số khung, số máy trên giấy đăng ký xe của ông V cho A biết. Khi ông V quay trở ra ngồi nhậu tiếp thì A gọi T qua số điện thoại của L. T bật loa ngoài với mục đích để cho ông V cùng nghe. T bảo A đọc số khung, số máy xe mô tô thì A đọc lại số khung, số máy mà T đã nhắn tin cho mình trước để ông V nghe. Thấy số khung, số máy trùng với xe mình nên ông V nói là đúng xe của ông V và nhờ T đi chuộc. Ông V hỏi T là chuộc xe hết bao nhiêu tiền thì T nói là "có gì mai cháu nói chú". Sau đó, T quay lại quán chở A và B đến nhà ông V cùng ngồi nhậu.

Đến khoảng 11 giờ ngày 11/7/2017, T và L hẹn gặp ông V tại quán cà phê B ở thôn T, xã Đ để thống nhất việc đi chuộc xe. Tại đây, ông V hỏi T là tiền chuộc xe hết bao nhiêu thì T nói hết 8.000.000đ, ông V đồng ý và xin đi chuộc xe cùng thì T nói để T và L đi vì nhìn ông V giống cảnh sát hình sự đi sẽ bị lộ nên ông V không

nói gì thêm. Sau đó, ông V đi về nhà chuẩn bị tiền, còn T và L gọi A và B ra xã Đ ăn nhậu. Đến 13 giờ cùng ngày, L mượn mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48H1-125.96 của anh Ngọc Văn H chở T đến nhà ông V. Tại đây, T nói với ông V là đưa tiền để T và L đi chuộc xe thì ông V đưa cho T 01 giấy đăng ký của chiếc xe mô tô bị mất, số tiền 1.000.000đ cùng 01 thẻ rút tiền ATM của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn mang tên Trần Văn C trong tài khoản có 8.218.366đ (đây là thẻ rút tiền ông V mượn của ông C). Ông V nói với T và L là khi nào rút tiền thì ông V sẽ đọc mật khẩu thẻ cho. Lấy tiền, thẻ ATM và giấy đăng ký xong thì L chở T quay lại quán nhậu, T đưa cho A số tiền 600.000đ và nói cho A biết là tiền lấy được của ông V. T đưa cho B số tiền 200.000đ để đổ xăng nhưng không nói là tiền ở đâu mà có. Số tiền 200.000đ còn lại T và L dùng để đổ xăng xe mô tô đi lại. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô BKS 48H1-125.96 chở L đi theo Quốc lộ 14 đến thị trấn P, huyện B, tỉnh Bình Phước rồi ghé vào một cây ATM trên địa bàn thị trấn P. T gọi điện yêu cầu ông V cung cấp mật khẩu thẻ. Ông V đọc mật khẩu thẻ ATM cho T và T rút số tiền 8.000.000đ trong tài khoản này rồi cùng L tiêu xài hết số tiền này. T đưa cho L số tiền 350.000đ để Lương về đưa lại cho A. Chờ đợi lâu không thấy T và L chuộc xe mô tô về trả cho mình, gọi điện thoại không liên lạc được với T và L nên ông V đã làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp.

Trong giai đoạn điều tra, chị Lê Thị Thanh B đã tự nguyện nộp lại số tiền 200.000đ mà T cho có nguồn gốc là tiền chiếm đoạt của ông Đỗ Thành V.

Đối với thẻ ATM sau khi rút tiền xong, T đã vứt trên đường đi, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Về phần dân sự: Trong giai đoạn điều tra gia đình các bị cáo bồi thường cho ông Đỗ Thanh V số tiền 9.000.000đ. Ông V không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và L.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48H1-125.96 thuộc sở hữu hợp pháp của anh Ngọc Văn H; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thành V; 01 điện thoại di động NOKIA 0168 của Phạm Văn T không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Cáo trạng số: 59/CTr - VKS ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Lê Văn L về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan. Tại phiên tòa L khai giữa bị cáo với T không có sự bàn

bạc mà bị cáo chỉ nghe bị cáo T nói với A, sau đó bị cáo cùng bị cáo T đến nhà ông V nói chuyện về việc chuộc xe và nhậu nhà ông V. Bị cáo có đưa điện thoại của bị cáo cho T nhắn tin, gọi điện cho A (A là người đóng giả anh của T ở Bình Dương) trao đổi về việc chuộc xe nhưng nội dung cụ thể bị cáo không biết và ngày hôm sau (11/7/2017) bị cáo cùng T đến nhà ông V lấy thẻ ATM và tiền đi xuống huyện B, tỉnh Bình Phước rút tiền cùng nhau tiêu xài cá nhân, chia tiền cho bị cáo và A do T quyết định. T có đưa bị cáo 500.000đ về cho A, bị cáo về đưa cho A 350.000đ còn lại bị cáo tiêu xài. Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái.

Kết quả tranh luận tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Lê Văn L phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 06/8/2017; Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Văn L từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam trước đó.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp trả lại: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48H1-125.96 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Ngọc Văn H; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thành V cho ông V; 01 điện thoại di động NOKIA 0168 cho Phạm Văn T.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại VIVO màu trắng, đã qua sử dụng của Lê Văn L dùng làm công cụ phạm tội.

Tịch thu sung công quỹ số tiền 200.000đ do chị Lê Thị Thanh B nộp lại mà các bị cáo phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với Nguyễn Đức A sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp đã ra Quyết định khởi tố bị can. Tuy nhiên, hết thời hạn điều tra vẫn chưa xác định được A đang ở đâu nên đã ra Quyết định tách vụ án hình sự và ra lệnh truy nã khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với chị Lê Thị Thanh B là người được T cho số tiền 200.000đ từ tiền chiếm đoạt của ông Đỗ Thanh V. Tuy nhiên, chị B không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với vụ việc ông Đỗ Thành V bị mất chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48B1-110.23 vào ngày 04/7/2017 Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh làm rõ, sẽ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên toà các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Trong các ngày 10/7/2017 và 11/7/2017, Phạm Văn T, Lê Văn L và Nguyễn Đức A nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên đã cùng nhau đưa ra thông tin gian dối là có thể chuộc lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48B1-110.23 của ông Đỗ Thành V, trú tại thôn T, xã Đ, huyện R bị mất trước đó, làm cho ông V tin là sự thật nên đã giao số tiền 9.000.000đ để đi chuộc lại xe bị mất nhưng T, L và A không đi chuộc xe mà đã chiếm đoạt số tiền trên và dùng để tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi của Phạm Văn T và Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi của các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống, pháp luật buộc các bị cáo phải biết quyền sở hữu hợp pháp về tài sản luôn được bảo vệ. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật mà các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự cấu kết chặn chẽ chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Phạm Văn T là người khởi xướng nên cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo L, đồng thời cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới bảo đảm được mục đích của hình phạt.

Về các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo L tại phiên toà bị cáo và mẹ bị cáo là bà H điều thừa nhận là bị cáo không tác động bồi thường, việc bồi thường do bà H tự nguyện nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do vậy, từ những tình tiết giảm nhẹ trên HĐXX, xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp trả lại: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48H1-125.96 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Ngọc Văn H; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Thành V cho ông V; 01 điện thoại di động NOKIA 0168 cho Phạm Văn T là phù hợp cần được chấp nhận. Đối với thẻ ATM sau khi rút tiền xong, T đã vứt trên đường đi, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả nên không đề cập.

Xét 01 điện thoại VIVO màu trắng, đã qua sử dụng của Lê Văn L dùng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Xét số tiền 200.000đ do chị Lê Thị Thanh B nộp lại do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với Nguyễn Đức A sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương Cơ quan CSĐT công an huyện Đắk R'Lấp đã ra Quyết định tách vụ án hình sự và ra lệnh truy nã khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với chị Lê Thị Thanh B là người được T cho số tiền 200.000đ từ tiền chiếm đoạt của ông Đỗ Thanh V. Tuy nhiên, chị B không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với vụ việc ông Đỗ Thành V bị mất chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS: 48B1-110.23 vào ngày 04/7/2017 Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh làm rõ sẽ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Lê Văn L phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự (Không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn L). Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn T 01 *(một)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/8/2017.

Bị cáo Lê Văn L 01 *(một)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 06/8/2017 đến ngày 24/10/2017.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại VIVO màu trắng, đã qua sử dụng *(Có đặc điểm như trong biên bản thu giữ vật chứng)*.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ do chị Lê Thị Thanh B giao nộp.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm văn T và Lê Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Văn Khiêm